

Số: 06 /KH-STP

Hà Nam, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024**

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tư pháp quy định về mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

Căn cứ Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Hà Nam Ban hành ban hành Quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Công văn số 06 -CV/BCSD ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 1450 -TB/TU ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp;

Căn cứ Công văn số 57/UBND-TCDNC ngày 08 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện Thông báo số 1450-TB/TU ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024;

Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện đúng quy định về vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của trợ giúp viên pháp lý; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý của các đơn vị.

b) Khuyến khích trợ giúp viên pháp lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho đơn vị trong việc bố trí trợ giúp viên pháp lý đúng vị trí công việc, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Nhằm triển khai hiệu quả các quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý.

2. Yêu cầu

a) Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phải đảm bảo lựa chọn được những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của trợ giúp viên pháp lý.

b) Phân công cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý.

c) Đảm bảo việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý thực hiện khách quan, đúng quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG XÉT THĂNG HẠNG

1. Phạm vi

Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II, được áp dụng đối với viên chức là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng

Viên chức đang là trợ giúp viên pháp lý hạng III công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp, đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tư pháp quy định về mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề

nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý; Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II thực hiện theo Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024; khoản 16, Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023, cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020) thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II

Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 mục III Kế hoạch này, viên chức phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II do Bộ Tư pháp ban hành, cụ thể như sau:

a) Đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng III và đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BTP như sau:

- + Có bằng cử nhân luật trở lên;
- + Có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;
- + Có giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý hoặc giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, trừ trường hợp trợ giúp viên pháp lý đã được bổ nhiệm theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 hoặc được miễn tập sự trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP như sau:

- + Nắm vững và có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;
- + Có kiến thức, hiểu biết về hệ thống pháp luật và chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật được phân công;
- + Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; triển khai có hiệu quả các hoạt động trợ giúp pháp lý;
- + Được Cục Trợ giúp pháp lý xác nhận đã thực hiện ít nhất 01 vụ việc tham gia tố tụng thành công;
- + Có năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;
- + Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; kỹ năng sử dụng một trong các ngoại ngữ (Anh, Hàn, Trung...) tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Viên chức dự xét thăng hạng lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm cộng dồn (108 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III tối thiểu đủ 01 năm cộng dồn (12 tháng), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

IV. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II là 02 người (thực hiện theo Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024), đã được cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng

Đánh giá việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý dự xét theo quy định tại mục III Kế hoạch này, mục III Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp, Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp.

2. Hình thức xét thăng hạng

Hình thức xét thăng hạng (theo Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024): Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 34 Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Thành phần hồ sơ dự xét thăng hạng gồm

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP);

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định

số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) theo Mẫu số 01-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp;

c) Văn bản xác nhận vụ việc tham gia tố tụng thành công theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;

d) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II.

e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

4. Số lượng hồ sơ của mỗi người đăng ký xét thăng hạng: 01 bộ

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Thời gian tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý: Từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2025.

2. Địa điểm tổ chức xét thăng hạng: Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam

3. Kinh phí xét thăng hạng

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 18/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN VÀ THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG

1. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II đáp ứng đủ các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại mục III Kế hoạch này, mục VI phần II Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp và các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.)

2. Thông báo kết quả xét thăng hạng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng

văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

VIII. QUY CHẾ, NỘI QUY TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Quy chế, nội quy và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II thực hiện theo Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II năm 2024.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Tư pháp

a) Căn cứ Kế hoạch này và Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp, tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II theo đúng quy định.

b) Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thăng hạng theo quy định.

c) Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II của ngành Tư pháp về UBND tỉnh và Sở Nội vụ để theo dõi.

2. Trách nhiệm của Bộ phận tổ chức, cán bộ

a) Thường trực giúp Giám đốc Sở triển khai các nội dung công việc liên quan tới công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II.

b) Tham mưu triển khai thực hiện Đề án, Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II.

c) Căn cứ Kế hoạch này, Đề án số 01/ĐA-STP ngày 01/11/2024 của Sở Tư pháp, tham mưu tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II; tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử tham dự kỳ thi xét thăng hạng.

d) Tham mưu Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Hội đồng xét thăng hạng; Ban giám sát xét thăng hạng; Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II để Sở Nội vụ theo dõi.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Sở

a) Niêm yết công khai các kế hoạch, thông báo kỳ xét thăng hạng tại trụ sở làm việc và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp để viên chức dự xét thăng hạng được biết; có trách nhiệm đăng tin, nội dung có liên quan đến công tác xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng xét thăng hạng theo đúng quy định.

b) Phối hợp với Bộ phận tổ chức, cán bộ chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện để phục vụ cho kỳ xét thăng hạng.

c) Thực hiện nhiệm vụ khác có liên quan đến kỳ xét thăng hạng do Giám đốc Sở giao.

4. Thanh tra Sở

a) Cử công chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với Bộ phận tổ chức, cán bộ giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

b) Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Sở và Hội đồng xét thăng hạng.

5. Trách nhiệm của Trung tâm trợ giúp pháp lý

a) Thông báo đến toàn thể viên chức trong đơn vị về Đề án, Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II.

b) Có văn bản cử viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Tư pháp về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ trợ giúp viên pháp lý hạng III lên hạng II. Quá trình thực hiện có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở (qua bộ phận tổ chức, cán bộ) để tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để p/h);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Thái

